

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2022/HNGĐ-PT**  
Ngày: 26/8/2022  
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu Hằng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Trọng Đoàn

Ông Lò Văn Lịch

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên:** Ông Nguyễn Khánh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số: 05/2022/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 17/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (có mặt).

\* *Bị đơn:* Anh Quàng Văn X, sinh năm: 1984; địa chỉ: Bản T (đội 4A), xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

\* *Người làm chứng:*

- Ông Lò Văn O; địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

- Bà Lò Thị P; địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

- Chị Lò Thị S, sinh năm 1993; địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Quàng Văn X.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lò Thị D trình bày:*

Chị Lò Thị D và anh Quàng Văn X kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Từ khi kết hôn, chị D và anh X chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng về quan điểm sống; đôi khi anh X uống rượu say còn đánh chửi chị D, chị D đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh X không thay đổi. Hện nay, chị D và anh X đã sống ly thân. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quàng Văn X.

Về con chung: Chị Lò Thị D và anh Quàng Văn X có 02 con chung là cháu Quàng Phương T, sinh ngày 16/9/2014 và cháu Quàng Khánh L, sinh ngày 02/9/2017. Hiện hai con chung đang ở cùng chị D. Sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong bản tự khai ngày 27/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Quàng Văn X trình bày:*

Anh X, chị D kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, thi thoảng có mâu thuẫn nhỏ nhưng chưa đến mức ly hôn. Từ tháng 02 năm 2021, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ngày nghỉ chị D không về nhà chồng, anh X đã nhiều lần góp ý không được chơi với người cặp kè với chồng người khác và người bỏ chồng, không được đi chùa nhưng chị D không nghe. Từ khi kết hôn cho đến nay, anh chưa bao giờ đánh vợ, con và quan tâm đến việc xây dựng kinh tế gia đình (làm nhà sàn, san ủi làm ao, ruộng, vườn). Anh X không nhất trí ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh X công nhận, anh và chị D có hai con chung là cháu Quàng Phương T, sinh ngày 16/9/2014 và cháu Quàng Khánh L, sinh ngày 02/9/2017. Trường hợp anh và chị D ly hôn, anh X đồng ý để chị D nuôi con khi nào công việc ổn định anh xin được nuôi con. Hiện nay, anh cấp dưỡng nuôi con được 1.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Quá trình giải quyết vụ án lời khai của những người làm chứng được thể hiện như sau:*

- Ông Lò Văn O trình bày: Ông Lò Văn O là Trưởng bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Ông cho biết tình trạng hôn nhân giữa anh X và chị D diễn ra bình thường, không có mâu thuẫn xảy ra, anh X chung sống với gia đình vợ hòa thuận, biết yêu thương gia đình. Chị D có đề nghị ông xác nhận đơn với nội dung anh X có hành vi đánh chị D, ông O thấy không đúng sự thật nên không xác nhận. Ông O mong Tòa án tiến hành hòa giải cho anh X, chị D quay về đoàn tụ.

- Bà Lò Thị P trình bày: Bà Lò Thị P là mẹ đẻ của chị Lò Thị D, trong quá trình chung sống với bà, anh X, chị D không có mâu thuẫn gì, anh X yêu thương vợ con, anh X không đánh đập chị D.

**Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên đã quyết định:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị D được ly hôn anh Quảng Văn X.

2. Về con chung: Chị Lò Thị D được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Quảng Phương T, sinh ngày 16/9/2014 và cháu Quảng Khánh L, sinh ngày 02/9/2017. Anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, thi hành án của đương sự.

Ngày 14/4/2022, bị đơn anh Quảng Văn X kháng cáo toàn bộ bản án Hôn nhân gia đình số: 17/2022/HNGĐ-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, cụ thể:

Về hôn nhân: Anh X không đồng ý ly hôn với chị D vì lý do ly hôn mà chị D đưa ra là không đúng sự thật.

Về con chung: Anh X không đồng ý giao 02 con chung cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng do chị D không có thời gian và điều kiện kinh tế để chăm sóc hai con. Anh X đề nghị được nuôi cả 02 con chung vì hiện nay anh X có công việc ổn định có thời gian và điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con.

**\* Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm:**

Tại biên bản làm việc ngày 04/8/2022, anh Quảng Văn X có ý kiến: Trường hợp chị Lò Thị D vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn thì anh X chỉ nhất trí ly hôn với chị D nếu chị D bồi thường cho anh X số tiền 200.000.000 đồng (tiền anh X nuôi chị D đi học, xin việc cho chị D trước khi cưới, tiền mua đồ cưới, của hồi môn của chị D). Về con chung, anh X đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quảng Khánh L và nhất trí giao cháu Quảng Phương T cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- *Bị đơn anh Quảng Văn X - người kháng cáo có ý kiến:* Anh X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về hôn nhân, trường hợp chị D vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, anh X đề nghị Tòa án xem xét buộc chị D phải bồi thường cho anh X số tiền 200.000.000 đồng, gồm các khoản như trên.

Về con chung: Anh X đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quảng Khánh L và nhất trí giao cháu Quảng Phương T cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Nguyên đơn chị Lò Thị D có ý kiến:* Chị D không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về hôn nhân, đồng thời không đồng ý với yêu cầu bồi thường số tiền 200.000.000 đồng của anh X. Về con chung, nhất trí với đề nghị của anh X, đề nghị Tòa án giao cháu Quảng Phương T cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Quảng Khánh L cho anh X chăm sóc, nuôi dưỡng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến thời điểm HĐXX phúc thẩm nghị án. Nguyên đơn và bị đơn về cơ bản đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Tuy nhiên, 02 bức ảnh do chị Lò Thị D giao nộp cho Tòa án ngày 27/01/2022 chưa được chị D sao gửi cho bị đơn Quảng Văn X, là vi phạm khoản 9 Điều 70 và khoản 5 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Quảng Văn X không tham gia phiên tòa sơ thẩm là vi phạm khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy nội dung yêu cầu của anh X trong đơn kháng cáo không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận lại với nhau về việc nuôi con chung, nên căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 BLTTDS, đề nghị HĐXX sửa một phần bản án

sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phần nuôi con chung. Các phần khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Quảng Văn X, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về tố tụng:**

Đơn kháng cáo của anh Quảng Văn X thực hiện đúng quy định về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” và thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm: căn cứ đề nghị của Kiểm sát viên tại Văn bản số 1258/YC-VKS-HNGĐ ngày 01/8/2022, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là: HĐXX) đã bổ sung ông Lò Văn O; địa chỉ: bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên và bà Lò Thị P; địa chỉ: bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên, tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng và triệu tập ông O, bà P đến trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên lấy lời khai và tham gia phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Lò Văn O, bà Lò Thị P đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 17/11/2021 (BL số 61) và quy định tại Điều 294; khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo thủ tục chung.

### **[2] Về nội dung kháng cáo của anh Quảng Văn X:**

*\* Đối với kháng cáo của bị đơn anh Quảng Văn X về hôn nhân:*

HĐXX thấy rằng, anh Quảng Văn X và chị Lò Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/10/2014, tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Sau một thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống giữa hai người bất đồng. Trên thực tế, anh X và chị D đã sống ly thân từ khoảng tháng 7 năm 2021 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, chị D khai chị và anh X có nhiều mâu thuẫn, anh X có hành vi bạo lực với chị D. Anh X cho rằng, giữa anh và chị D thì thoảng có mâu thuẫn nhỏ nhưng chưa đến mức ly hôn, chị D cho rằng anh có hành vi bạo lực với chị D và cung cấp ảnh chụp (BL số 91, 92) là không chính xác. Tại các biên bản xác minh ngày

17/11/2021, ông Lò Văn O và bà Lò Thị P đều cho rằng vợ chồng anh X, chị D chung sống hạnh phúc, việc anh X đánh chị D là không có thật.

Mặc dù lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng có mâu thuẫn nhưng tại phiên tòa, chị Lò Thị D, anh Quàng Văn X đều khẳng định trong quá trình chung sống hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Việc chị D và người làm chứng trình bày việc hai vợ chồng chị có lúc xô xát dẫn đến việc anh X đánh chị D, điều này cũng chỉ là thêm nguyên nhân của những mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử cho chị D và anh X ly hôn là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của anh Quàng Văn X về việc đề nghị HĐXX xem xét buộc chị Lò Thị D bồi thường cho anh số tiền 200.000.000 đồng tiền nuôi chị D đi học, xin việc cho chị D trước khi cưới, tiền mua đồ cưới, của hồi môn của chị D. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, anh X không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xem xét buộc chị D bồi thường số tiền trên và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu này của anh X. Do đó, yêu cầu về việc bồi thường 200.000.000 đồng của anh X là vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm. Căn cứ quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX không xem xét yêu cầu trên của anh Quàng Văn X.

*\* Đối với kháng cáo của bị đơn anh Quàng Văn X về con chung:* Trong đơn kháng cáo ngày 14/4/2022, anh Quàng Văn X đề nghị được nuôi cả 02 con chung vì hiện nay anh X đã có công việc ổn định, có thời gian và điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh X và chị D thống nhất đề nghị Tòa án giao cháu Quàng Phương T cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Quàng Khánh L cho anh X chăm sóc, nuôi dưỡng. Căn cứ bảng tổng hợp thu nhập và bảng thanh toán tiền lương do anh X, chị D cung cấp, HĐXX phúc thẩm thấy rằng, hiện tại anh X, chị D đều có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa anh X, chị D là tự nguyện, không vi phạm quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của anh Quàng Văn X và chị Lò Thị D tại phiên tòa về việc nuôi con chung.

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa một phần bản án Hôn nhân và gia đình số: 17/2022/HNGĐ-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung.

**[3]** Từ những phân tích, đánh giá trên, HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Nội dung kháng cáo của anh X về hôn nhân là không có căn cứ chấp nhận. Về con chung HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Quàng Văn X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Sửa một phần bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 17/2022/HNGĐ-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị D được ly hôn anh Quàng Văn X.
- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung.

Chị Lò Thị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Quàng Phương T, sinh ngày 16/9/2014 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

Anh Quàng Văn X được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quàng Khánh L, sinh ngày 02/9/2017 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

#### **2. Về án phí:**

2.1. Án phí sơ thẩm: Chị Lò Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí phúc thẩm: Anh Quàng Văn X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004962 ngày 29/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị của hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26/8/2022).

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện Đ, tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Bùi Thị Thu Hằng**